

XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP - NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ THỰC TIỄN

Lê Việt Long*

“Sở hữu trí tuệ” là một thuật ngữ mang nghĩa rộng được dùng để mô tả “sự sáng tạo của tư duy”. Sự sáng tạo này là tài sản vô hình mà pháp luật cần phải bảo hộ thông qua việc trao cho chủ nhân của nó một số quyền nhất định, nhằm mục đích khuyến khích những sáng tạo hữu ích đó vì lợi ích chung của toàn xã hội. Ở Việt Nam, “sự sáng tạo của tư duy” có từ rất lâu, nhưng việc bảo hộ “sự sáng tạo của tư duy” này (hay nói cách khác là sự bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ) được bắt đầu triển khai từ những năm đầu của thập kỷ 80, nhưng chỉ sau khi Bộ luật Dân sự (1995) được ban hành và đặc biệt là từ khi Bộ luật Hình sự năm 1999 có các tội danh về sở hữu trí tuệ thì hoạt động này mới thực sự được quan tâm hơn.

Trong những năm gần đây, tình trạng vi phạm, xâm phạm về sở hữu công nghiệp diễn ra khá phổ biến và ngày càng phức tạp, nhất là trong lĩnh vực sản xuất hàng hoá, vi phạm nhãn hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp. Theo báo cáo của Cục Sở hữu trí tuệ, trong những năm đầu của thập kỷ 90 thế kỷ trước, mỗi năm có vài chục vụ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, trong những năm sau đó số vụ vi phạm tăng lên đáng kể. Cụ thể, năm 1994: tổng số vụ xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp là 48 vụ (trong đó có 1 vụ xâm phạm sáng chế, 6 vụ xâm phạm kiểu dáng công nghiệp và 41 vụ xâm phạm nhãn hiệu hàng hoá); năm 2001: số vụ tương ứng là 203 (2 vụ về sáng chế, 3 vụ về kiểu dáng công nghiệp và 198 vụ về nhãn hiệu hàng hoá); năm 2002: số vụ là 399 (9 vụ về sáng chế, 108 vụ về kiểu dáng công nghiệp và 282 vụ về nhãn hiệu hàng hoá).

Các hành vi vi phạm này không chỉ dừng lại ở tính chất nhỏ lẻ, manh mún đó cá nhân

thực hiện mà phát triển ngày càng phức tạp hơn ở tính chất vi phạm có tổ chức, có sự cấu kết, móc nối với nhiều cá nhân, tổ chức nước ngoài. Để ngăn chặn những hành vi xâm hại đó, chúng ta đã có các biện pháp và nhiều loại văn bản pháp lý để bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp. Tuy nhiên, hành vi xâm hại quyền sở hữu công nghiệp ngày càng có chiều hướng gia tăng, phổ biến nhất là xâm phạm nhãn hiệu hàng hoá và kiểu dáng công nghiệp, bên cạnh đó còn xâm hại đến chỉ dẫn địa lý, tên thương mại và gắn đây xâm phạm sáng chế và giải pháp hữu ích. Trong pháp luật nước ta hiện nay, có nhiều quy định ghi nhận các biện pháp chế tài nhằm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ chống lại các hành vi xâm hại. Tuy nhiên, trên thực tế như đã nêu, các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp vẫn gia tăng. Nguyên nhân của hiện tượng này, trước hết, là việc thực thi pháp luật trong lĩnh vực trên còn nhiều hạn chế, còn chưa có hiệu quả. Điều này được thể hiện trong đánh giá của một số đối tác quan trọng với nước ta trong quan hệ kinh tế đối ngoại. Trong quá trình đàm phán gia nhập WTO của nước ta, một số đối tác đàm phán (EU, Thụy Sĩ, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Ôxtrâyliya) đều cho rằng Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng các văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ, nhưng vấn đề thực thi pháp luật trong lĩnh vực này còn nhiều điểm yếu cần phải được khắc phục¹.

Như vậy, câu hỏi đặt ra là vì sao dù chúng ta đã có các biện pháp bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nói chung và sở hữu công nghiệp nói riêng, cũng đã có các cơ quan thực hiện quyền bảo hộ sở hữu, nhưng số lượng hành vi xâm hại lại có chiều hướng gia

¹ Bộ Khoa học và Công nghệ, Báo cáo chính và các tham luận tại Hội nghị toàn quốc về thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam, Hà Nội - 2004, tr. 6.

* Thạc sĩ luật học, Ban Thanh tra Bộ Công nghiệp

tăng và ngày càng phức tạp hơn. Có phải chăng là việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của các cơ quan có thẩm quyền còn chông chéo, mức độ xử lý còn quá nhẹ chưa đủ để răn đe người có hành vi xâm hại, hay chúng ta còn thiếu cơ sở pháp lý để áp dụng. Thực tế, có rất ít vụ án hình sự xử tội danh xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp. Người có quyền bị xâm hại hầu hết nộp đơn cho các cơ quan có chức năng xử lý hành chính để yêu cầu xử lý và các cơ quan này đã chấp nhận nếu có cơ sở để khẳng định là có hành vi xâm hại. Như vậy, có thể nói tình trạng hành chính hoá quan hệ sở hữu công nghiệp đã chiếm tỉ lệ cao quá mức cần thiết.

Đối với các chủ sở hữu, mặc dù pháp luật trao cho các chủ thể này quyền khởi kiện và thực tế số vụ xâm phạm xảy ra rất nhiều, nhưng nhiều chủ thể bị xâm phạm lại không khởi kiện đến Tòa án nhân dân. Nguyên nhân là do chủ sở hữu bị xâm phạm có tâm lý ngại tiếp xúc với Tòa án, ngại khởi kiện ra tòa, sợ mang tiếng phải ra hầu tòa, không muốn đưa vấn đề ra công khai trước công chúng, sợ ảnh hưởng đến uy tín của mình. Mặt khác, cũng còn lý do khác nữa là ngại mất thời gian, tốn tiền bạc để theo đuổi vụ kiện. Thông thường thời gian giải quyết một vụ tranh chấp tại Tòa án nhân dân từ khi thụ lý đến khi ra quyết định hoặc bản án sơ thẩm và thời gian giải quyết ở cấp phúc thẩm (nếu có kháng cáo, kháng nghị) trung bình ở mỗi cấp là trên 4 tháng, đó là chưa kể đến một số quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ cũng chưa rõ ràng dẫn đến việc áp dụng không thống nhất như: khái niệm về nhãn hiệu hàng hoá còn chưa rõ ràng, việc coi mọi hàng hoá mang nhãn hiệu hàng hoá hoặc kiểu dáng công nghiệp xâm phạm nhãn hiệu hàng hoá (kiểu dáng công nghiệp) được bảo hộ đều là hàng giả là khái niệm quá rộng và không hợp lý. Dẫn đến một số vụ án phải xử đi xử lại nhiều lần.

Một nguyên nhân khác khiến cho chủ sở hữu trí tuệ ít dùng đến quyền gửi đơn tố giác tội phạm là do sự hiểu biết của toàn xã hội nói chung và chủ thể có quyền sở hữu trí tuệ nói riêng đối với vấn đề bảo hộ sở hữu trí tuệ

còn hạn chế. Các chủ sở hữu chưa chủ động thực hiện việc bảo vệ quyền và tài sản của mình, còn mang nặng tâm lý trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước.

Trong những năm gần đây, vấn đề vai trò của tài sản trí tuệ và sở hữu trí tuệ đã dần được xã hội nhận thức theo hướng tích cực nhưng so với đòi hỏi của tình hình, sự hiểu biết của các tổ chức, cá nhân, người sáng tạo, thậm chí của các cơ quan quản lý Nhà nước vẫn còn hạn chế. Họ chưa ý thức được các vấn đề pháp lý, thậm chí cả vấn đề đạo lý liên quan đến sở hữu trí tuệ. Hầu hết các cá nhân, tổ chức chưa ý thức đầy đủ về vai trò, giá trị của tài sản trí tuệ. Hầu như chưa có tổ chức nào thành lập ra một bộ phận chuyên tập trung vào các vấn đề về sở hữu trí tuệ và họ cũng chưa có chiến lược về sở hữu trí tuệ hoặc coi vấn đề sở hữu trí tuệ là bộ phận của chiến lược phát triển của mình. Tài sản vô hình trong đó có tài sản trí tuệ, chưa trở thành đối tượng quản lý như quản lý tài sản thông thường. Họ chưa ý thức được rằng việc chăm lo, bảo vệ tài sản trí tuệ là trách nhiệm của mình mà còn mang nặng tính thụ động, trông chờ vào Nhà nước.

Mặc dù trong Bộ luật Hình sự năm 1999 đã có những qui định về nhóm tội về sở hữu trí tuệ, cụ thể tại Điều 171 qui định về "*Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp*". Tuy nhiên, thực tiễn xét xử tội danh này có số lượng còn rất khiêm tốn và có nhiều vấn đề cần được trao đổi, thống nhất.

Điều 171 của Bộ luật Hình sự "*Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp*" qui định:

1. Người nào vì mục đích kinh doanh mà chiếm đoạt, sử dụng bất hợp pháp sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi, xuất xứ hàng hoá hoặc các đối tượng sở hữu công nghiệp khác đang được bảo hộ tại Việt Nam gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ hai triệu đồng đến

hai trăm triệu đồng hoặc cải tạo không giam giữ đến hai năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a, Có tổ chức;

b, Phạm tội nhiều lần;

c, Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

3. Người phạm tội có thể bị phạt từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

Như vậy, quyền sở hữu công nghiệp được hiểu là quyền của cá nhân, pháp nhân đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi, xuất xứ hàng hoá và quyền sở hữu với các đối tượng khác do pháp luật qui định.

Nghiên cứu mặt khách quan trong cấu thành tội phạm này chúng ta thấy tồn tại hai dấu hiệu:

Thứ nhất là, người phạm tội có hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt hoặc sử dụng bất hợp pháp sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi, xuất xứ hàng hoá hoặc các đối tượng sở hữu công nghiệp khác đang được bảo hộ tại Việt Nam.

Thứ hai là, hành vi nói trên chỉ được coi là tội phạm xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp nếu hành vi đó nhằm mục đích kinh doanh và gây nên hậu quả nghiêm trọng hoặc chủ thể của hành vi đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này nhưng chưa được xoá án tích mà còn vi phạm.

Thực tiễn áp dụng điều luật trên còn có một số vướng mắc, như khi xem xét hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp việc xác định ranh giới giữa áp dụng biện pháp hành chính và biện pháp hình sự cần phải được qui định cụ thể, làm cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự. Bên cạnh đó việc xác

định thiệt hại cũng phải được qui định một cách thống nhất, thiệt hại hữu hình tính đến bao nhiêu là nghiêm trọng? bao nhiêu là đặc biệt nghiêm trọng. Thiệt hại vô hình được tính như thế nào đối với uy tín của nhà sản xuất bị xâm hại do hành vi trái pháp luật của chủ thể gây nên. Việc qui định như hiện nay phần nào cũng gây khó khăn trong công tác xử lý.

Bên cạnh đó chủ sở hữu trí tuệ vẫn còn tâm lý e ngại về việc mất thời gian, tiền bạc khi họ lựa chọn có hay không nên yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý về hình sự, vì thời gian xử một vụ án hình sự đối với xâm phạm sở hữu trí tuệ kéo dài và khi xét xử họ lại không được mời tham gia tố tụng và cũng không thể yêu cầu xem xét việc bồi thường thiệt hại.

Để đáp ứng các yêu cầu của quá trình hội nhập kinh tế, góp phần tạo ra một môi trường lành mạnh để các doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh tạo ra sự hấp dẫn, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, góp phần bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quan trọng hơn là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu trí tuệ thì trong thời gian tới, cần tiến hành một số biện pháp sau:

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức và pháp luật về sở hữu trí tuệ cho xã hội, nâng cao nhận thức của xã hội đối với quyền sở hữu trí tuệ, tiến tới việc mọi người đều nhận thức đầy đủ rằng quyền sở hữu trí tuệ là một quyền tài sản và họ có quyền khởi kiện, yêu cầu các cơ quan chức năng bảo vệ quyền này khi bị xâm phạm.

2. Qui định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan có thẩm quyền trong công tác bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, tránh hiện tượng chồng chéo về thẩm quyền dẫn đến hiệu quả trong công tác quản lý chưa cao.

3. Xây dựng một đạo luật về sở hữu trí tuệ. Đạo luật này sẽ quy định toàn diện các vấn đề về sở hữu trí tuệ, khắc phục những thiếu sót trong hệ thống các văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ và quan trọng hơn là tạo

ra cơ sở pháp lý giúp chủ sở hữu trí tuệ bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích của họ, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan chức năng thực hiện giám sát và xử lý sai phạm có hiệu quả.

4. Phân biệt rõ ranh giới hành vi nào bị xử lý hành chính và hình sự để áp dụng biện pháp giải quyết phù hợp với mức độ và hậu quả của hành vi. Nghiêm khắc xử lý bằng biện pháp hình sự những hành vi xâm phạm đến Sở hữu trí tuệ nói chung và quyền sở hữu công nghiệp nói riêng.

5. Xây dựng một cơ quan độc lập về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đồng thời đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu công tác trong lĩnh vực này.

Hiện nay, Quốc hội đang xem xét sửa đổi Bộ luật Dân sự năm 1995, Phần VI của Bộ luật Dân sự về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ cũng đang được cân nhắc. Câu hỏi đặt ra ở đây là, sau khi đạo luật về sở hữu trí tuệ ra đời thì quy định nào về sở hữu trí tuệ của Bộ luật Dân sự nên được giữ lại? Tuy nhiên, cần đảm bảo rằng “sở hữu trí tuệ” trong luật mới được bao hàm trong định nghĩa về “sở hữu tài sản” của Bộ luật Dân sự. Một điều khác cũng cần làm rõ là quyền sở hữu trí tuệ thuộc về vấn đề dân sự và vì vậy, các hành vi vi phạm, cho dù là vi phạm hợp đồng hay vi phạm ngoài hợp đồng, cũng phải chịu tác động trước hết của các chế tài dân sự được quy định trong Bộ luật Dân sự.

(Tiếp theo trang 53 – Một số vấn đề ...)

= Giá trị chứng cứ của văn bản điện tử ra sao khi có tranh chấp phát sinh từ “hợp đồng điện tử” này?

Hàng loạt các vấn đề như vậy phải được Bộ luật Dân sự quy định về nguyên tắc để tạo cơ sở cho việc quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật chuyên ngành sau này.

Thứ tư, trong Bộ luật Dân sự (sửa đổi) phải bổ sung một số loại hợp đồng thông dụng, bên cạnh những loại hợp đồng đã được quy định hiện nay. Bộ luật Dân sự hiện hành đã quy định riêng về 13 loại hợp đồng. Trong điều kiện kinh tế thị trường, nhiều quan hệ hợp đồng mới đã hình thành, nhiều biến thể của các hợp đồng thông dụng đã xuất hiện mà chưa được Bộ luật Dân sự quy định như: hợp đồng cung cấp điện năng,

nước, điện thoại; hợp đồng mua bán hoặc cho thuê doanh nghiệp hoặc cơ sở kinh doanh; hợp đồng cho thuê tài chính (leasing); hợp đồng xây dựng; hợp đồng kỹ thuật; các hợp đồng liên quan đến hoạt động ngân hàng; hợp đồng đại lý, uỷ thác, môi giới; hợp đồng liên doanh, liên kết kinh tế; hợp đồng tín thác...

Tuy nhiên, Bộ luật Dân sự (sửa đổi) không thể quy định hết về những quan hệ hợp đồng nói trên mà chỉ nên quy định về những quan hệ hợp đồng nào đã phổ biến trong thực tế, mang tính ổn định lâu dài và “ưu tiên” cho những quan hệ hợp đồng chưa được quy định trong những văn bản pháp luật đơn hành.